

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-PT

Ngày 23/01/2025

“Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Ngày 21 và 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024, về *“Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 321/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lai Bá T (tên gọi khác Lai Văn T1), sinh năm 1967, địa chỉ: Số B ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1999, địa chỉ: Số B N, phường A, quận N, thành Phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Bà Thạch Thị H1, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn B, sinh năm 1991 (có mặt).

2. Ông Dương Văn T2, sinh năm 1980 (vắng mặt).
3. Bà Dương Thị Thanh H2, sinh năm 1982 (vắng mặt).
4. Ông Dương Văn T3, sinh năm 1983 (vắng mặt).
5. Ông Dương Văn T4, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Dương Văn B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N tham gia tố tụng.

6. Bà Huỳnh Thị Kiều N1, sinh năm 1969 (vắng mặt).
 7. Bà Lai Ngọc Bích S, sinh năm 1992 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Sô B, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
8. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban: Ông Lưu Minh H3, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị H1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1998 - 1999, ông Lai Bá T (Lai Văn T1) có nhận chuyển nhượng của bà Triệu Thị Q diện tích đất 1.361m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với giá 9.000.000 đồng. Đến ngày 13/10/2000, ông T1 được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293 với diện tích là 612m² đã trừ lộ giới. Sau khi nhận đất ông chưa sử dụng mà để trống, đến ngày 24/12/2013 thì bà Thạch Thị H1 ngang nhiên vô cật nhà trên phần đất này, ông có trình báo chính quyền đại phương ngăn cản nhưng bà H1 vẫn tiếp tục cất nhà. Nay ông Lai Bá T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị H1 phải trả lại cho ông phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 1.307 m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn bà Thạch Thị H1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà Lâm Thị S1 (mẹ chồng bà H1) để lại cho bà Thạch Thị H1 sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, trước đây gia đình bà H1 làm ruộng, sau này làm chài nuôi vịt, nuôi cá trên phần đất này. Vào khoảng năm 1998, ông T có đến cất nhà trên phần đất đang tranh chấp thì gia đình bà H1 có ngăn cản thì ông T không làm nhà nữa. Ông T đã tự ý làm thủ tục nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ A đối với phần đất này của bà H1. Nay bà H1 phản tố yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số 00293 ngày 13/10/2000 do UBND huyện M đã cấp cho ông Lai Bá T đối với diện tích đất 612m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời yêu cầu ông Lai Bá T trả lại cho bà H1 số tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ A đối với phần đất thuộc thửa số 91 mà ông T đã nhận 14.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N1, bà Lai Ngọc Bích S: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lai Bá T (Lai Văn T1) về việc yêu cầu bà Thạch Thị H1 phải trả lại phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích là 1.307 m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Buộc bà Thạch Thị H1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên là ông Dương Văn B, ông Dương Văn T2, bà Dương Thị Thanh H2, ông Dương Văn T3, ông Dương Văn T4 có nghĩa vụ tháo dỡ, phá dỡ, di dời các công trình xây dựng trên đất để trả lại cho ông Lai Bá T (Lai Văn T1) phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích là 1.307m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ kèm theo). Có sơ đồ tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp Kênh thủy lợi, số đo 56,50m + 11,50m;*
- + Hướng Tây giáp đất bà T5, số đo 40,50m + 11,50m;*
- + Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Đức H4, số đo 21m;*
- + Hướng Bắc giáp Quốc lộ A, số đo 33,10m*

Trong đó: Phần đất nằm trong hành lang lộ giới có diện tích là 295,50m²; Phần đất nằm ngoài hành lang lộ giới có diện tích là 1.011,50m².

** Tài sản trên đất:*

- Căn nhà do ông Dương Văn B xây và sử dụng có diện tích (6,08 x 4,05) m². Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, đỡ mái sắt hộp, mái tol song vuông, nền gạch men, vách tường.

- Mái che: Diện tích (2,88 x 4,05) m². Kết cấu: Khung cột thép, đỡ mái sắt hộp, mái tol song vuông.

- Nhà sau: Diện tích (04 x 4,05) m². Kết cấu: Không có khung cột, đỡ mái gỗ tạp, vách tường nền đất, mái tol thiếc.

- Nhà vệ sinh: Diện tích (1,8 x 2,7) m². Kết cấu: Không có khung cột, đỡ mái gỗ tạp, vách tường nền xi măng, mái tol thiếc.

- Mái che: Diện tích $(1,9 \times 5,8) m^2$. Kết cấu: Khung cột gỗ tạp, đỡ mái gỗ tạp, mái lá.

- Nền xi măng: Diện tích $(2,88 \times 4,05) m^2$ nền xi măng.

- Nhà ông H5 bà H6 đang sử dụng (Hiện nay do ông Dương Văn B quản lý sử dụng):

+ Mái che 1: Diện tích $(1,56 \times 5,1) m^2$. Kết cấu: Đỡ mái gỗ, mái tol.

+ Nhà 1: Diện tích $(5,1 \times 3,8) m^2$. Kết cấu: Khu gỗ tạp, đỡ mái gỗ, mái tol, vách tol, nền xi măng.

+ Nhà 2: Diện tích $(5,4 \times 5,6) m^2$. Kết cấu: Khung cột thép, đỡ mái thép, mái tol, vách tol, nền xi măng + gạch men.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Thạch Thị H1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00293 ngày 13/10/2000 do UBND huyện M đã cấp cho ông Lai Bá T đối với phần đất tích 612m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu ông Lai Bá T phải trả lại cho bà Thạch Thị H1 số tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ A đối phần đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mà ông Lai Bá T đã nhận 14.000.000 đồng.”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2024, bà Thạch Thị H1 gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với quyết định về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án: Tại biên bản hòa giải cơ sở, ông T chỉ yêu cầu bà H1 trả lại diện tích đất tranh chấp là 612m² thuộc thửa 91, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M nhưng hòa giải không thành, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến năm 2016 ông T khởi kiện bổ sung yêu cầu bà H1 phải giao trả thêm diện tích 749m² (theo kết quả đo đạc diện tích thực tế thửa đất số 91), tuy nhiên diện tích đất phát sinh tăng thêm này chưa được tiến hành thủ tục hòa giải tại UBND xã T, nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét thụ lý bổ sung và giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc buộc bà H1 trả thêm diện tích đất 749m². Bên cạnh đó, tại bản án gốc và biên bản nghị án, tại phần đầu về

thành phần Hội đồng xét xử ghi tên Hội thẩm nhân dân là “Nguyễn Thị Hồng Phượng” nhưng tại phần ký tên ghi là “Nguyễn Hồng Phượng” là chưa phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định phần đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện M ngày 04/5/2017 là 1.307m² (nằm trong hành lang lộ giới là 295,5m² và ngoài hành lang lộ giới là 1.011,5m²) thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/2000 của UBND huyện M cấp cho ông Lai Bá T quyền sử dụng thửa đất số 91 với diện tích 612m² chênh lệch so với diện tích đo đạc thực tế là 695m². Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 91, tại “Biên bản về việc xác minh lại diện tích đất” và “Sơ đồ vị trí đất” lập cùng ngày 25/9/2000 thể hiện: Cạnh hướng đông của thửa đất giáp kênh thủy lợi chiều dài là 56m và cạnh hướng tây giáp đất bà Triệu Thị Q1 là 43m, nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi: Cạnh hướng đông của thửa đất giáp kênh thủy lợi chiều dài là 33m và cạnh hướng tây giáp đất bà Triệu Thị Q1 là 27m là có sự sai số so với 02 tài liệu nêu trên và không phù hợp với kết quả đo đạc thực tế thửa đất. Theo Công văn số 739/CNMX ngày 11/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M xác định “*Việc có sự chênh lệch diện tích đối với phần đất nằm ngoài hành lang lộ giới giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp so với đo đạc thực tế là do đo đạc xác định theo ranh giới sử dụng và sự chỉ ranh của các đương sự và sự chênh lệch do sai số đo đạc tính diện tích trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây*”. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định toàn bộ diện tích đất các đương sự tranh chấp 1.307m² đều thuộc thửa đất 91. Vì có sự chênh lệch diện tích nêu trên, nên việc ông T căn cứ theo giấy chứng nhận yêu cầu U và Tòa án giải quyết buộc bà H1 giao trả diện tích 612m², nhưng sau khi đo đạc thực tế ông khởi kiện bổ sung yêu cầu trả thêm diện tích 749m² cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là hợp lý và đúng nội dung tranh chấp giữa các bên, không vi phạm thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy một phần bản án đã nêu trên.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bà Lâm Thị S1 để lại cho con ông Dương T6 (chồng bà H1), đến khoảng năm 1982 chính quyền địa phương thực hiện chính sách trang trải ruộng đất, thì phần đất này được trang trải cho bà Triệu Thị Sà Q1, bà Q1 canh tác được một thời gian đến năm 1999 thì chuyển nhượng lại cho ông Lai Bá T, các bên có lập văn bản “Đơn xin chuyển nhượng” ngày 04/9/1999, thỏa thuận diện tích đất 1.361m² với giá 9.000.000 đồng (văn bản có xác nhận của ấp H và của UBND xã T), đến ngày 13/10/2000 ông T được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án, bà Triệu Thị Sà Q1 xác nhận: Vào năm 1999, bà có chuyển nhượng cho ông T phần đất tranh chấp nêu trên, nguồn gốc phần đất này là của ông Dương T6, vào khoảng năm 1982 Nhà nước trang trải đất này cho bà và bà đã trả hoa lợi cho ông T6 là 200 kg lúa khô, thời điểm đó ông Quách Phi H7 (Chủ tịch xã) là người trang trải đất cho bà.

[4] Qua xác minh, ông Quách Phi H7 trình bày: Vào khoảng năm 1980, UBND xã T có trang trải đất đai cho các hộ dân trong xã, phần đất đang tranh chấp giữa ông T và bà H1 cũng được Nhà nước trang trải cho dân nhưng ai là người được nhận đất thì ông không nhớ.

[5] Qua xác minh, ông Hoa Văn H8 (nguyên là Trưởng ban N4, xã T từ năm 1992 đến năm 2012) và ông Hoa Văn H9 (nguyên là Phó ban N4, xã T từ năm 2002 đến nay) đều trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước tiếp thu là của ông Dương T6, đến khoảng năm 1980 nhà nước trang trải đất cho bà Q1, sử dụng được một thời gian bà Q1 bán lại cho ông Lai Bá T, ông T mua xong thì để đất trống, sau đó phía bà H1 vô cất nhà ở.

[6] Vào thời điểm năm 2002 – 2003, Nhà nước thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ A đi qua xã T, huyện M, ông Lai Bá T là người thực hiện các thủ tục về thu hồi diện tích 243,1m² tại phần đất tranh chấp và nhận số tiền bồi thường 14.706.000 đồng. Theo biên bản xét duyệt tính hợp pháp về đất phục vụ giải tỏa đền bù mở rộng quốc lộ A của Ban giải phòng mặt bằng huyện M lập ngày 10/6/2003 kết luận: Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi, trước năm 1975 đất gốc của ông Dương T6, năm 1982 Nhà nước cấp cho hộ Triệu Thị Q2 (đã trả hoa lợi xong), năm 1998 thì chuyển nhượng lại cho hộ Lai Bá T sử dụng ổn định cho đến nay.

[7] Xem xét lời trình bày của bị đơn bà Thạch Thị H1 và người đại diện cho rằng phần đất tranh chấp không có trang trải cho bà Triệu Thị Sà Q1, đây là đất gốc của gia đình bà đã quản lý sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay. Tuy nhiên lời trình bày của bị đơn có sự mâu thuẫn chưa phù hợp với diễn biến thực tế, cụ thể:

[7.1] Gia đình bà H1 là người quản lý, sử dụng thửa đất từ trước năm 1975 đến nay, nhưng tại thời điểm năm 2003 Nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ A lại để cho ông T thực hiện thủ tục và nhận tiền đền bù. Bà H1 cho rằng có khiếu nại ông T nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, trong khi cùng thời điểm này bà có làm thủ tục khiếu nại ông Trần T7 về tiền đền bù mở rộng Quốc lộ A đối với phần đất liên quan đến nguồn gốc của gia đình bà (phần đất này cùng dây và gần thửa đất đang tranh chấp với ông T), khiếu nại này của bà đã được UBND huyện M và UBND tỉnh S giải quyết;

[7.2] Vào năm 2008, bà H1 có yêu cầu UBND xã T giải quyết buộc ông Tâm giao trả lại thửa đất tranh chấp, tại biên bản hòa giải lập ngày 07/3/2008: Bà H1 trình bày đất ông T đang sử dụng là đất gốc của cậu chồng bà; UBND xã kết luận: Giữ nguyên diện tích đất trên cho ông hộ T sử dụng, nếu hộ bà H1 không đồng ý được quyền khởi kiện đến Tòa án.

[7.3] Đến năm 2013, bà H1 đào đất đắp nền nhà trên phần đất tranh chấp thì ông T có gửi đơn khiếu nại, đại diện Ban N4 ông Hoa Văn H9 lập biên bản yêu cầu bà Hoàng N2 thi công chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

[7.4] Theo kết quả xác minh của Tòa án đối với các ông Hoa Văn H8, ông Hoa Văn H9 (những người làm việc tại Ban N4), bà Thạch Thị H10 (người ở gần phần đất tranh chấp) đều trình bày: Thửa đất tranh chấp sau khi trang trải cho bà Q1 khoảng năm 1982 thì bà Q1 sử dụng đến năm 1999 chuyển nhượng lại cho ông T, sau đó ông T để đất trống thì bà H1 vào cất nhà ở.

[8] Từ các tình tiết nêu trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lai Bá T buộc bà Thạch Thị H1 và những người con giao trả thửa đất tranh chấp số 91 là có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H1 về việc buộc ông T hoàn trả số tiền đền bù đối với thửa đất tranh chấp ông T đã nhận và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện M đã cấp cho ông T là đúng quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Thạch Thị H1, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy một phần bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát kiến nghị cấp sơ thẩm sai sót ghi chưa đúng họ tên của Hội thẩm nhân dân tại bản án gốc và biên bản nghị án là chính xác, do vậy cấp sơ thẩm cần phải có văn bản đính chính khắc phục thiếu sót này.

[9] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thạch Thị H1 được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thạch Thị Hoàng M nộp án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005589 ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TA tỉnh;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận